

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương
ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với
người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 90/2025/QH15;*

*Căn cứ Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung
ương Đảng về nâng cao hiệu quả tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về
tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

*Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 180/2002/QĐ-TTg
ngày 19/02/2002 về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng
Chính sách xã hội; số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 về việc sửa đổi bổ sung
một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội
ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/02/2002 của Thủ
tướng Chính phủ; số 05/QĐ-TTg ngày 04/01/2023 về việc phê duyệt Chiến lược
phát triển Ngân hàng Chính sách xã hội đến năm 2030; số 1560/QĐ-TTg ngày
18/7/2025 ban hành Kế hoạch triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024
của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính
sách xã hội trong giai đoạn mới;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: Số 62/2016/TT-BTC
ngày 15/4/2016 về hướng dẫn thực hiện quy chế quản lý tài chính đối với Ngân
hàng Chính sách xã hội; số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 quy định về quản
lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính
sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;
số 84/2025/TT-BTC ngày 19/8/2025 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông
tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 quy định về quản lý và sử dụng nguồn
vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay
đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;*

Căn cứ Kế hoạch số 372-KH/TU ngày 09/12/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên về thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND ngày 12/6/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Căn cứ Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về triển khai Chỉ thị số 39-CT/TW ngày 30/10/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nâng cao hiệu quả của tín dụng chính sách xã hội trong giai đoạn mới theo Quyết định số 1560/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Hưng Yên tại Tờ trình số 728/TTr-NHCS ngày 17/7/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 380/QĐ-UBND ngày 24/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Kho bạc Nhà nước khu vực IV; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *m*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT; TH.

(Chữ ký)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



(Chữ ký)
Nguyễn Lê Huy

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với
người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /7/ 2026
của UBND tỉnh Hưng Yên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở: Tài chính, Nội vụ, Nông nghiệp và Môi trường; Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh và các Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội trực thuộc; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

b) Các cơ quan, đơn vị, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Nguồn vốn ngân sách Ủy ban nhân dân tỉnh trích hằng năm ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh được trích hằng quý hoặc hằng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 11 của Quy chế này.

3. Nguồn chênh lệch lớn hơn giữa dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro và dự phòng rủi ro tối đa theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 12 của Quy chế này.

Điều 3. Xây dựng kế hoạch nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

Việc xây dựng kế hoạch vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các sở, ngành liên quan phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện một số nội dung chủ yếu sau:

1. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo, dự kiến kế hoạch nhu cầu vốn tín dụng chính sách xã hội từ đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Sở Tài chính.

3. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện tín dụng chính sách xã hội thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn.

4. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện tín dụng chính sách xã hội theo quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân tỉnh giao ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh là Sở Tài chính

Trường hợp có thay đổi về nội dung hợp đồng ủy thác, Sở Tài chính và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện điều chỉnh hợp đồng ủy thác hoặc ký bổ sung phụ lục hợp đồng ủy thác.

Điều 5. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương

1. Hằng năm, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo, dự kiến kế hoạch nhu cầu vốn tín dụng chính sách xã hội gửi Sở Tài chính. Sở Tài chính ưu tiên tổng hợp trong dự toán ngân sách hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê chuẩn và có Quyết định giao vốn cụ thể theo từng năm hoặc đột xuất (nếu có).

2. Căn cứ kế hoạch được phê duyệt, Sở Tài chính cấp kinh phí bằng lệnh chi tiền, hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước

hiện hành và thực hiện ký hợp đồng/phụ lục hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

3. Phân bổ nguồn vốn: Căn cứ nguồn vốn địa phương được bổ sung, tình hình thực tế tại các đơn vị, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quyết định phân bổ nguồn vốn cho vay tới các Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc, chi tiết đến từng xã, phường để triển khai thực hiện cho vay và quyết định điều chỉnh nguồn vốn giữa các chương trình tín dụng theo nhu cầu cho vay thực tế.

Điều 6. Đối tượng cho vay

Theo quy định hiện hành của Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định của địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

Điều 7. Mục đích sử dụng vốn vay

Theo quy định hiện hành của Chính phủ, Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định của địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

Điều 8. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương.

Trường hợp Nhà nước có chính sách hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội thì cũng được áp dụng tương ứng với các khoản vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương.

Điều 9. Quy trình, thủ tục cho vay

Theo quy định hiện hành của Chính phủ và Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ; bảo đảm tiền vay (nếu có) theo quy định hiện hành của Chính phủ và Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ và quy định của địa phương (nếu có).

Điều 10. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ: giao Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xem xét, quyết định theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

Điều 11. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh theo quy định, ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các sở, ngành và các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích tối đa không quá 15% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau:

- Trích 10% số tiền lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Chi cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (thông qua cơ quan thường trực là Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh).

- Trích 5% số tiền lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Tài chính.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.

3. Mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và theo quy định của Nhà nước.

4. Quyết toán đối với các khoản chi từ nguồn trích lãi thu được cho công tác chỉ đạo, quản lý tổng hợp, kiểm tra giám sát, khen thưởng liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác được thực hiện như sau:

a) Đối với kinh phí Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh được hưởng trong năm: kết thúc năm tài chính, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh thực hiện tổng hợp báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Đối với kinh phí trích cho Sở Tài chính: đơn vị sở thực hiện tổng hợp số liệu báo cáo gửi về Ban đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh (thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh) trước ngày 28/2 năm sau. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tổng hợp số chi của sở báo cáo về Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh vào kỳ họp gần nhất.

c) Số kinh phí được giao quản lý sử dụng trong năm còn lại được chuyển sang năm sau để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng.

d) Trường hợp các đơn vị không sử dụng hết số kinh phí đã được trích và không có nhu cầu sử dụng tiếp, căn cứ đề nghị của đơn vị, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và các đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chuyển phần kinh phí còn dư để bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay các đối tượng chính sách theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Trường hợp tiền lãi cho vay thu được không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các sở, ngành và các đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương thì Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí bù đắp theo đúng quy định.

Điều 12. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý nợ bị rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định.

3. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh có trách nhiệm thẩm định theo quy định các hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, tổng hợp gửi Sở Tài chính, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro.

4. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác.

a) Trường hợp dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo số tiền thực tế của các khoản vay được xử lý xóa nợ, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo

cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Trường hợp dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư dự phòng rủi ro tối đa theo quy định, phần chênh lệch được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay.

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo, dự kiến nhu cầu vốn tín dụng chính sách từ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm gửi Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến bố trí vốn từ ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn từ ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công hằng năm, kế hoạch đầu tư công trung hạn để ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn.

4. Định kỳ 6 tháng, hằng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo tình hình nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

Điều 14. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, người vay vốn

1. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định Quy định mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay đối với đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan và Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định bố trí vốn ngân sách địa phương trong kế hoạch đầu tư công trung

hạn và hằng năm để ủy thác thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trên địa bàn.

b) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đối với trường hợp quy mô của đợt xoá nợ vượt quá số dư dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác địa phương.

c) Chủ trì, phối hợp với sở, ngành liên quan thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại Điều 12 quy chế này.

d) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 11 Quy chế này.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ Tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo Văn bản liên tịch và Hợp đồng ủy thác đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Phối hợp với các đơn vị liên quan lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Thực hiện Chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 13 Quy chế này.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay quy định tại Quy chế này.

b) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi, kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan, tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

5. Trách nhiệm của người vay

- a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác.
- b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.
- c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 16. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp xã đã được ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội trước đây: Sau khi Quy chế này có hiệu lực thi hành, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc không thực hiện cho vay quay vòng lại; khi thu hồi được hết các khoản vay đã cho vay (khi khoản vay đến hạn) và xử lý nợ bị rủi ro (nếu có thì áp dụng như quy định tại Điều 12 Quy chế này), Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh/Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội trực thuộc thanh lý Hợp đồng ủy thác và trả về ngân sách cấp xã (bao gồm các khoản trích lập từ tiền lãi thu được chưa sử dụng hết).

Điều 17. Xử lý vi phạm

Những tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Quy chế này, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

Việc sửa đổi, bổ sung quy định về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.